

# Chữ Quốc ngữ chữ nước ta

## Từ Alexandre de Rhodes đến Trương Vĩnh Ký

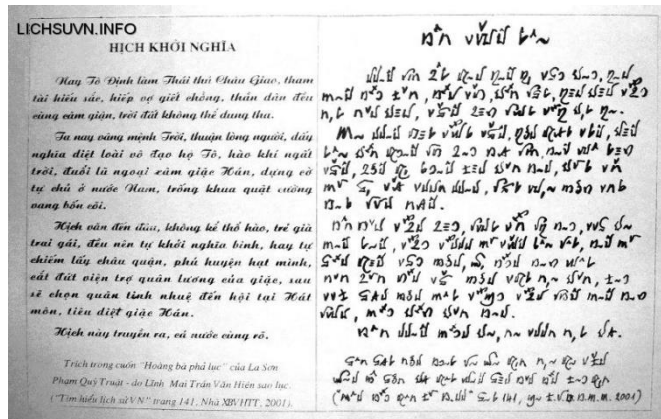
Lương Nguyên Hiền

Năm 1625, Alexandre de Rhodes, tên Việt là A-Lich-Son Đắc-Lộ, đi thuyền tới Việt Nam, không ai ngờ rằng thời điểm này đã đánh dấu một bước ngoặt lớn lao của ngôn ngữ Việt. Đó là sự bắt đầu hình thành của chữ Quốc ngữ. Trong 300 năm, chữ Quốc ngữ đã phải trải qua bao nhiêu sóng gió rồi cuối cùng thay thế hoàn toàn được chữ Nôm, chữ Hán để trở thành chữ viết của người Việt. Chữ Quốc ngữ được xây dựng theo nguyên tắc ký âm bằng chữ cái Latin (a,b,c,...), nên tương đối đơn giản, tiện lợi, dễ học, dễ nhớ, đã giúp cho người Việt dễ dàng hội nhập với các nước dùng chữ Latin hơn so với các nước theo chữ Hán như Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn hay những nước theo chữ Ả Rập. Sự hội nhập nhanh chóng này cũng tác động một phần không nhỏ vào việc nâng cao dân trí của một quốc gia. Như hiện nay trong vấn đề giao dịch qua Internet, chữ Quốc ngữ đã có rất nhiều lợi thế hơn hẳn so với các bộ chữ tượng hình như chữ Hán vừa khó đọc, khó viết và lại thêm khó sử dụng. Cũng từ đây, người Việt đã thật sự hoàn toàn thoát được ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, mặc dù nước ta đã bị phương Bắc đô hộ 1.000 năm. Đây có thể nói là một cuộc chuyển hóa vô cùng lớn lao.

Bắt đầu với 8.000 từ ngữ đã được các giáo sĩ Bồ Đào Nha phiên âm vào thế kỷ thứ 17 với công dụng là truyền giáo, chữ Quốc ngữ đã không ngừng phát triển để đáp ứng được nhu cầu của người Việt trước những biến chuyển liên tục của văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội và nhất là khoa học kỹ thuật. Giờ đây chữ Quốc ngữ đã có chỗ đứng vững vàng trong ngôn ngữ Việt Nam và đã có hơn 200.000 từ để có thể phiên dịch cuốn tự điển *Anh quốc Oxford Advanced Learner's English Dictionary* mà không bị lúng túng vì thiếu chữ, thiếu từ [1]. Một số quốc gia khác cũng có những cố gắng để dùng phương pháp ký âm bằng chữ Latin, trong đó có nước Nhật với chữ Rōmaji. Nhưng chữ Rōmaji vẫn còn ở trong tình trạng sơ khai, người Nhật vẫn chưa bỏ được chữ tượng hình của họ.

### Trước chữ Quốc ngữ, người Việt viết chữ gì?

Trước khi có chữ Quốc ngữ, người Việt đã có chữ Khoa đầu, chữ Hán và chữ Nôm. Chữ Khoa đầu hay còn gọi chữ nòng nọc là chữ Việt cổ xuất hiện trong nền văn hóa tiền Việt-Mường, được tìm thấy trên các trống đồng, trên đá hay các di vật cổ xưa để lại. Khoa đầu có nghĩa là đầu lớn, để chỉ hình tượng của chữ này: đầu lớn và những nét giống hình con nòng nọc. Đây là loại chữ tượng thanh, ghép nhiều chữ lại thành từ. Trong một bản Ngọc phả từ thời vua Trần Thái Tông nhắc đến tích là thời vua Nghiêu (2000 năm trước Công Nguyên) nước Việt Thường (vùng Nghệ An – Hà Tĩnh) tặng con rùa ngàn năm trên lưng có khắc chữ Khoa đầu: "Nghiêu thế, Việt Thường thị kiến thiên tuế thần qui, bói hữu Khoa đầu" (nghĩa là thời vua Nghiêu, nước Việt Thường tặng rùa thần nghìn tuổi, lưng có chữ Khoa đầu).



Bài Hịch khởi nghĩa của Hai Bà Trưng do ông Đỗ Văn Xuyên viết bằng chữ Khoa đầu

Sau khi chiếm được nước Nam Việt của Triệu Đà, nhà Hán thi hành chính sách Hán hóa dân tộc Việt. Các thái thú như Nhâm Diên và Sĩ Nhiếp bắt đốt hết sách vở còn như tướng Mã Viện (năm 43) thì tìm cách tận thu trống đồng. Người Việt bị bắt buộc phải dùng chữ Hán thay cho chữ Khoa đầu và tương chừng như chữ Việt cổ đã bị thất truyền. Nhưng gần đây có ông Đỗ Văn Xuyền đã tuyên bố giải mã được chữ Khoa đầu sau 50 năm mày mò tìm kiếm. Ông viết được bằng chữ Khoa đầu bài Hịch của Hai Bà Trưng kêu gọi khởi nghĩa (năm 40) [2].

Chữ Hán còn gọi chữ Nho hay chữ Trung Hoa là chữ tượng hình biểu ý. Người Việt ngày xưa sử dụng hai thứ tiếng: một là tiếng Hán Việt (đọc chữ Hán theo âm Việt) dành cho giới quan lại và khoa bảng và hai là tiếng Việt được sử dụng trong dân gian. Về chữ cũng vậy chúng ta có chữ Hán và chữ Nôm. Để ghi được tiếng nói của mình, người Việt đã sáng chế ra chữ Nôm. Chữ Nôm được cấu tạo trên cơ sở chữ Hán nhưng lấy âm Hán Việt để ghi âm tiếng Việt. Chữ Nôm đã được hình thành bằng nhiều cách khác nhau, như ghép hai chữ Hán với nhau, thí dụ chữ „mắt“ ghép từ chữ „mục“ (biểu ý) và „mat“ (biểu âm) hay mượn âm chữ Hán như chữ „tốt“ có nghĩa là „binh lính“ (chữ Hán) để ghi từ „tốt“ trong „tốt xấu“ của chữ Nôm [3]. Có nhiều giả thuyết cho rằng chữ Nôm đã có từ thế kỷ thứ 3. Cũng có một số giả thuyết khác cho là chữ Nôm xuất hiện vào thế kỷ thứ 8, thời Phùng Hưng dấy quân khởi nghĩa đánh lại độc lập cho Việt Nam (năm 791). Sau khi mất, Phùng Hưng được tôn vinh là Bó Cái Đại Vương. Bó Cái viết bằng chữ Nôm là Cha Mẹ. Nhưng đến thế kỷ 13, chữ Nôm mới được chính thức ghi nhận là xuất hiện qua bài văn “*Tế cá sấu*” bằng chữ Nôm do Nguyễn Thuyên được vua Trần Nhân Tông (1279 - 1293) sai làm để đuổi cá sấu.

Những tác phẩm bằng chữ Nôm còn được lưu truyền đến ngày hôm nay như *Truyện Kiều*, *Chinh Phụ Ngâm*, *Cung Oán Ngâm Khúc*, *Bích Câu Kỳ Ngộ*, *Lục Vân Tiên*, *Lục Súc Tranh Công*, ... cùng những bài thơ của Lê Thánh Tôn, Nguyễn Thuyên, Bà Huyện Thanh Quan, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Trần Tế Xương, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, ... Trong đó, *Truyện Kiều* là một trong những tác phẩm chữ Nôm đặc sắc nhất mà gần như người Việt nào cũng biết.

Đây là một thí dụ để thấy sự khác biệt giữa chữ Hán và chữ Nôm:

*Hai câu trong Chinh phụ ngâm khúc của Đặng Trần Côn, viết bằng chữ Hán:*

陌上桑陌上桑

妾意君心誰短長

(Mạch thượng tang, mạch thượng tang

Thiếp ý quân tâm thùy đoản trường)

*viết bằng chữ Nôm do bà Đoàn Thị Điểm diễn dịch qua thể thơ song thất lục bát:*

岸機撐屹艾牟

恁抔意妾埃愁欣埃

(Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?)

Sau khi chữ Khoa đầu bị thất truyền, tương như thế người Việt sẽ bị hoàn toàn Hán hóa. Nhưng không, người Việt lại một lần nữa mày mò sáng tạo ra chữ Nôm để ghi tiếng nói của mình. Cha ông chúng ta ý thức rất rõ ràng một dân tộc muốn tồn tại phải có chữ viết riêng.

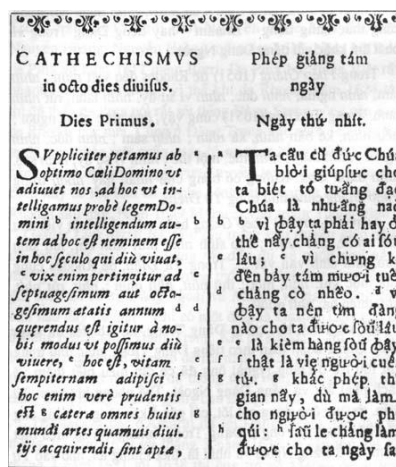
**Alexandre Rhodes và thời kỳ sáng tạo chữ Quốc ngữ**

Vào thế kỷ 17, các giáo sĩ phương Tây đến Việt Nam để truyền đạo. Trong đó có giáo sĩ Alexandre de Rhodes, có tên tiếng Việt là A-Lich-Son Đắc-Lộ, thuộc dòng Tên (Jésuite) sinh năm 1591 ở Avignon miền nam nước Pháp. Năm 1625, ông cập bến Hội An ở Đà Nẵng và bắt đầu học tiếng Việt của một cậu bé khoảng 10, 12 tuổi. Trong vòng 20 năm, ông đã bị trục xuất 6 lần. Tuy thế ông vẫn tìm cách trở lại Việt Nam, lúc đến Đàng Trong của chúa Nguyễn Phúc Nguyên để truyền giáo, lúc đến Đàng Ngoài của chúa Trịnh Tráng. Cuối cùng vào năm 1645, ông bị chúa Nguyễn vĩnh viễn trục xuất ra khỏi Việt Nam. Năm 1660, tức là 15 năm sau ông mất tại Ispahan ở Ba Tư (Iran). Tác phẩm của ông để lại là cuốn Tự Điển Việt-Bồ-La *Dictionarium annamiticum seu tunquinense lusitanum et latinum*. Đây là cuốn tự điển đầu tiên bằng ba thứ tiếng Việt, Bồ Đào Nha và Latin. Ông dùng chữ Latin nhưng lấy âm Bồ Đào Nha để ghi âm tiếng Việt. Ông còn mượn thêm dấu lấy từ tiếng Bồ Đào Nha (sắc, huyền, ngã, ...) để dùng cho 6 thanh điệu của tiếng Việt: ngang (không dấu), huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng.

Ngoài ra còn một tác phẩm nữa của ông cũng không kém phần quan trọng, cuốn *Phép giảng tám ngày* (tựa Latin: *Catechismus*). Đây là tác phẩm văn xuôi viết bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên, sử dụng ngôn ngữ bình dân của người Việt vào thế kỷ 17. Qua cuốn sách, chúng ta có thêm rất nhiều dữ kiện để nghiên cứu tiếng nói của người Việt vào thế kỷ đó.

Thật sự Alexandre de Rhodes không phải là người đầu tiên khai sinh ra chữ Quốc ngữ. Nói đúng hơn, ông chỉ là người có công lớn trong việc hệ thống hóa ký âm tiếng Việt bằng chữ Latin và đã phổ biến chữ Quốc ngữ qua việc in cuốn tự điển *Việt-Bồ-La* vào năm 1651 tại Roma. Trước đó, vào thế kỷ 16 đã có các giáo sĩ phương Tây đến Việt Nam truyền giáo. Họ đã tìm cách phiên âm tiếng Việt bằng chữ Latin để cho tiện việc giảng đạo mà không cần phải biết đọc hay biết viết chữ Hán, chữ Nôm. Nguyên nhân chính là chữ Hán đối với họ đã khó đọc khó viết, lại thêm vào đó chữ Nôm còn rắc rối hơn một bậc. Chữ Nôm dựa vào chữ Hán nên muốn biết chữ Nôm thì phải học chữ Hán trước và ngoài ra chữ Nôm không được thống nhất nên mỗi người có thể viết theo một cách khác nhau. Các giáo sĩ dòng Tên gốc Bồ Đào Nha như Francisco de Pina, Gaspar d'Amaral, Antonio Barbosa... là những người đi tiên phong trong công việc khai sáng ra chữ Quốc ngữ. Francisco de Pina đã từng mở trường dạy tiếng Việt cho nhiều giáo sĩ ngoại quốc, trong đó có Alexandre de Rhodes. Trong lời tựa cuốn tự điển *Việt-Bồ-La*, Alexandre de Rhodes viết là ông đã dựa trên hai cuốn tự điển đã bị thất truyền để soạn cuốn sách của ông: từ điển Việt-Bồ của Gaspar do Amaral và từ điển Bồ-Việt của Antonio Barbosa.

Rồi hơn 100 năm sau, giám mục Adran cho ra bộ tự điển Việt-Latin *Dictionarium Anamitico-Latinum* (năm 1773) do chính ông biên soạn, được viết bằng chữ Latin, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ. Ông còn có tên Việt là Bá Đa Lộc hay còn gọi là Cha Cả, tên Pháp Pierre Joseph Georges Pigneau de Behaine, sinh năm 1741 tại Pháp và mất năm 1799 tại Sài Gòn. Ông cũng là người đã từng giúp Nguyễn Ánh chống lại nhà Tây Sơn. Nên sau khi mất, ông được nhà Nguyễn sắc phong cho danh hiệu Bi Nhu Quận công



Trang đầu cuốn *Phép Giảng Tám Ngày* của Alexandre de Rhode, bên trái là chữ Latin, bên phải là chữ Quốc ngữ

Tiếp theo đó, năm 1838 giáo sĩ Tabert đã cùng với linh mục Philipphê Phan Văn Minh cho in tại Ấn Độ cuốn Từ điển *Anamitico-Latinum Nam Việt-Dương Hiệp Tự vị* hay còn được gọi là *Tự điển Tabert*.

Đáng kể nhất là gần đây trước 1975, đã tìm thấy được một số tác phẩm viết bằng chữ Quốc ngữ của Philipphê Bình ở Lisabon, thủ đô của Bồ Đào Nha. Người ta chỉ biết Philipphê Bình sinh tại Hải Dương năm 1759, ngoài ra về tiểu sử của ông thì hình như không ai rõ [4]. Ông thụ phong Linh Mục dòng Tên năm 34 tuổi và ba năm sau qua Bồ Đào Nha với sứ mệnh là xin vua Bồ Đào Nha can thiệp với Tòa Thánh La Mã bãi bỏ lệnh đóng cửa dòng Tên ở Việt Nam. Ông đã ở lại đây đến cuối đời (năm 1832). Thời gian hơn 30 năm ở Bồ Đào Nha, ông đã viết hơn 21 cuốn sách bằng chữ Quốc ngữ, có cuốn đã in có cuốn viết tay. Sách ông bao gồm những đề tài có tính cách biên soạn tự điển, ký sự, nhật ký,... Đặc biệt là tác phẩm du ký *Sách số sang chép các việc*. Trong cuốn này tác giả viết rất tỉ mỉ trung thực những cái nhìn của ông về thời đại ông đang sống và nơi ông đi qua. Đây là một cuốn sách chữ Quốc ngữ do người Việt viết chứ không do một người ngoại quốc, nên nó tương đối rất gần với tiếng Việt bây giờ.

Ở thế kỷ 17, là thời điểm chữ Việt được khai sáng. Đọc những tác phẩm vào thời kỳ này vẫn còn thấy nhiều chỗ khó hiểu và tối nghĩa. Tuy mang tiếng ký âm từ tiếng Việt nhưng nhiều phát âm khác xa với tiếng Việt hôm nay. Trái lại sang thế kỷ thứ 18, chữ Quốc ngữ đã vào thời kỳ hoàn chỉnh. Với những tác phẩm của Philipphê Bình đã chứng tỏ chữ nghĩa thời đó đã tiến gần với tiếng Việt ngày nay, cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của chữ Việt trong một thế kỷ qua. Nhưng tựu trung chữ Quốc ngữ vào thế kỷ 17 hay 18 vẫn chỉ dùng trong nhà thờ mục đích để giảng đạo và chưa được truyền bá nhiều ra ngoài. Người Việt với tinh thần bài ngoại đề sinh tồn, nên lúc đó họ đã không chịu tiếp nhận chữ Quốc ngữ là chữ viết của mình. Phải đến cuối thế kỷ 19, chữ Quốc ngữ mới thật sự phát triển vượt bậc để trở thành đúng như tên của nó đã được đặt „chữ của một quốc gia“.

## Trương Vĩnh Ký và thời kỳ phát triển chữ Quốc ngữ

Năm 1862, người Pháp sau khi chiếm 3 tỉnh miền Đông của miền Nam Việt Nam và năm 1867 lấy nốt 3 tỉnh miền Tây còn lại, họ bắt đầu xây dựng nền hành chính ở Việt Nam rập khuôn mẫu từ Pháp mang qua. Lúc đầu, chữ Pháp được sử dụng trong mọi văn tự hành chính thay cho chữ Hán. Sau này, dần dần chữ Pháp được thay thế bởi chữ Quốc ngữ. Ngày 1.1.1879 chính quyền thực dân Pháp chính thức ra nghị định bắt buộc Việt Nam phải dùng „tiếng An Nam bằng mẫu tự Latin“ trong hệ thống hành chính, với ý định tách người Việt hoàn toàn ra khỏi ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa. Thời gian đầu, người Pháp một mặt thì cưỡng bách một mặt thì vuốt ve để cho người Việt đi học trường dạy chữ Quốc ngữ. Trường Trung Học Adran (1861 - 1887) là trường dạy Quốc ngữ đầu tiên ở Việt Nam được các linh mục mở ở Sài Gòn [5]. Sau này vào năm 1954, trường Adran Sài Gòn được chia thành 2 Trường: Trung học Võ Trường Toản và Trung học Trưng Vương.

Song song với việc mở trường dạy học, người Pháp còn cho ra tờ *Gia Định Báo* (1865 - 1897) là tờ báo in chữ Quốc ngữ đầu tiên ở Việt Nam được ra mắt vào năm 1865 tại Sài Gòn. Lúc ban đầu tờ báo này chỉ là một công cụ thông tin của Pháp, từ năm 1869 được giao cho Trương Vĩnh Ký làm Giám đốc và Huỳnh Tịnh Của làm Chủ bút. Từ đó tờ *Gia Định Báo* mới thật sự khởi sắc, vì đã được phát triển thêm các mục biên khảo, lịch sử, thơ văn, nghệ thuật.... Tờ báo này đã góp phần không nhỏ vào việc cổ động học chữ Quốc ngữ, khuyến khích theo tân học, mở đường cho sự sáng tác các thể loại thơ văn bằng chữ Quốc ngữ và tạo nền móng cho sự nở rộ của báo chí Việt Nam sau này.

Nói đến *Gia Định Báo*, thì không thể không nhắc đến Trương Vĩnh Ký (1837 – 1898) còn có tên là Petrus Ký làm giám đốc tờ báo. Ông là một con người có kiến thức uyên bác về nhiều mặt, trong lĩnh vực văn hóa lẫn trong lĩnh vực xã hội, khoa học. Ông dịch sách chữ Hán, phiên âm ra chữ Quốc ngữ những bản cổ văn Việt Nam như *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*, *Phan Trần*, *Lục súc tranh công*, *Gia huấn ca*,... và biên soạn *Chuyện khôi hài*, *Chuyện đời xưa*,... Ông để lại cho hậu thế một gia tài khổng lồ với 118 tác phẩm, gồm những sách nghiên cứu, sưu tầm, phiên âm, dịch thuật trong đó có cả chục tác phẩm bằng Pháp văn. Ông thông thạo 27 ngoại ngữ, được tấn phong Giáo sư Viện sĩ Pháp, được ghi tên trong *Bách khoa Tự điển Larousse*. Sự nghiệp của ông thật là phi thường và hiếm có nhất là trong giai đoạn giao thời giữa văn hóa Đông Tây ở cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Ông luôn tìm cách cổ vũ cho sự sử dụng chữ Quốc ngữ. Ông viết trên *Gia Định Báo* ngày 15.4.1867: „*Chữ ấy chẳng khó đâu, ra công học một đôi tháng thì thuộc hết*“.

Đến cuối thế kỷ 19 thì chữ Quốc ngữ đã không còn loanh quanh trong khu vực các nhà thờ của các giáo sĩ người Pháp nữa mà đã đi vào trường học và báo chí. Nhờ sự nở rộ của báo chí, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của *Gia Định Báo*, đã tạo điều kiện cho sự xuất hiện nhiều nhà văn tài năng, nhiều tác phẩm giá trị. Đặc biệt là sự ra đời của cuốn từ điển *Đại Nam quốc âm tự vị* do Huỳnh Tịnh Của soạn năm 1895. Đây là cuốn từ điển đầu tiên do người Việt soạn cho người Việt, đến nay vẫn còn hữu dụng.

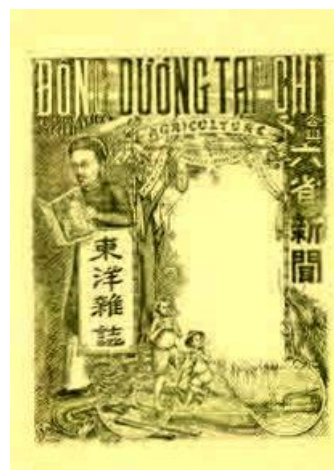
Nhận ra được sự lợi ích của chữ Quốc ngữ, một thứ chữ dễ đọc dễ viết, nên vào đầu thế kỷ 20, một số trí thức Việt Nam trong đó có Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Dương Bá Trạc,.. đã đứng ra mở ở Hà Nội trường *Đông Kinh nghĩa thực* (3.1907 - 11.1907) để đẩy mạnh phong trào canh tân đất nước. Trường dạy học miễn phí với mục đích chính là khai trí cho dân. Trường nhanh chóng trở nên nổi tiếng, sau này trở thành một phong trào. Chủ trương của trường là bỏ lối học từ chương khoa cử, theo tân học thực tiễn, sử dụng chữ Quốc ngữ trong các hoạt động văn hóa và giáo dục như in sách giáo khoa, dịch thuật, báo chí. Trường cử người đi khắp nơi để diễn thuyết, cổ động cho cải cách, bài trừ hủ tục, và còn ra hai tờ báo *Đông cổ Tùng báo*, *Đại Việt Tân báo* làm cơ quan ngôn luận cho trường. Mặc dù chỉ sống được một giai đoạn ngắn, từ tháng 3 năm 1907 đến tháng 11 năm 1907, trường *Đông Kinh nghĩa thực* đã tạo một tiếng vang lớn vào thời đó. Những câu thơ, câu vè đã được trường đặt ra để kêu gọi mọi người bỏ cũ, theo mới, học chữ Quốc ngữ vẫn còn có giá trị cho đến ngày hôm nay:

... *Chữ quốc ngữ là hồn trong nước*  
*Phải đem ra tính trước dân ta*  
*Sách các nước, sách Chi Na*  
*Chữ nào nghĩa ấy dịch ra tỏ tường...*  
*(Trần Quý Cáp)*

Trong lịch sử phát triển chữ Quốc ngữ không thể vắng bóng khuôn mặt của Nguyễn Văn Vĩnh (1882 – 1936). Ông mở nhà in đầu tiên ở Hà Nội, làm chủ bút tờ *Đông cổ tùng báo* (3.1907 - 11.1907), là tờ báo chữ Quốc ngữ đầu tiên ở Hà Nội và cũng là một tờ báo đầu tiên do tư nhân lập ra. Tờ *Đông cổ tùng báo* đã đánh dấu một khúc quanh mới của báo chí Việt Nam không chỉ đơn thuần hoạt động trong phạm vi văn hóa nghệ thuật mà còn đi vào trong



*Đông dương Tạp chí*  
*(1913-1919)*



*Gia Định Báo*  
*(1865 - 1897)*

lãnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và đã phản ảnh được cuộc sống thực tại ở Việt Nam thời đó. Đứng trước các phong trào Duy Tân, Đông Kinh nghĩa thực đang bùng nổ, người Pháp đã phải đóng cửa *Đảng cổ tùng báo*, vì tờ báo dám cổ vũ cho tự do, dân chủ. Năm 1913 ông cho ra tờ *Đông dương Tạp chí* (1913 - 1919) để truyền bá chữ Quốc ngữ và tư tưởng Âu Tây bằng những tác phẩm của nước ngoài do ông dịch như: *Thơ ngụ ngôn* của La Fontaine, *Những người khốn khổ* tiểu thuyết của Victor Hugo,.... Ông còn dịch *Truyện Kiều* ra tiếng Pháp. Ông thành lập ra hội Trí Tri (Hà Nội), Hội Dịch sách và là người Việt Nam đầu tiên gia nhập Hội nhân quyền Pháp. Ngoài ra ông còn hoạt động cho trường Đông Kinh nghĩa thực. Khi Phan Chu Trinh, người phát động ra phong trào Duy Tân, bị bắt năm 1908, ông đã cùng với bốn người Pháp ký tên đòi Pháp phải trả tự do cho Phan Chu Trinh. Cuộc đời ông là một chuỗi dài của ngày tháng cống hiến cho đất nước, cho văn học, cho báo chí Việt Nam. Ông đã nhắn nhủ lại cho hậu thế: „*Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở chữ Quốc ngữ*“. Nguyễn Văn Vĩnh và Trương Vĩnh Ký được nhiều người sau này vinh danh là: „*Ông tổ của nghề báo Việt Nam*“ [6][7].

Trong công cuộc xây dựng và phát triển chữ Quốc ngữ, không thể quên được sự đóng góp của Phạm Quỳnh (1892 – 1945). Ông bút hiệu là Thượng Chi, là một nhà văn hóa, nhà văn và nhà báo. Ông đã viết rất nhiều bài về văn học, triết học, tùy bút và dịch từ những tác phẩm của Pháp ra tiếng Việt. Tất cả tác phẩm của ông được đăng trên tờ *Nam Phong tạp chí* (1917 - 1934) do ông làm chủ nhiệm và chủ bút. Tạp chí đã được đánh giá cao về mặt trí thức và tư tưởng. Có người còn ví rằng *Nam Phong Tạp Chí* như một bộ bách khoa toàn thư của Việt Nam đầu thế kỷ 20, chỉ cần đọc đều đặn tạp chí này là đã có một số vốn kiến thức căn bản mà không cần phải biết chữ Pháp hay chữ Hán. Ông viết nếu chúng ta biết giữ gìn văn hóa của dân tộc, biết giữ gìn tiếng nói, chữ viết của dân tộc thì chúng ta không sợ bị mất nước: „*Truyện Kiều còn thì tiếng ta còn, tiếng ta còn thì nước ta còn*“.

Năm 1933, văn học Việt Nam có những chuyển biến rất mạnh mẽ đó là sự ra đời của Tự Lực Văn Đoàn do Nguyễn Tường Tam (Nhật Linh) cùng với Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam,... khởi xướng. Đây là một tổ chức văn học đầu tiên ở Việt Nam có tuyên ngôn và tôn chỉ (10 điều). Hoạt động chủ yếu của Tự Lực Văn Đoàn là viết văn, làm báo và in sách. Họ ra được 2 tờ tuần báo *Phong hóa* (1932 - 1936) và *Ngày nay* (1936 - 1946). Tự lực Văn Đoàn đã đi tiên phong trong lãnh vực tiểu thuyết mới và thơ mới (thơ tự do). Tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn mặc dù mang tính chất lãng mạn nhưng luôn luôn chất chứa tinh thần đấu tranh chống lại lễ giáo phong kiến, đòi tự do, bình đẳng cho con người. Đây là một loại tiểu thuyết luận đề, lấy một câu chuyện hư cấu để thể hiện nhân sinh quan của tác giả.

## Kết luận

Năm 1625 là năm *Alexandre de Rhodes* đặt chân lần đầu tiên lên Hội An ở Đà Nẵng. Hơn 300 năm sau, không ai ngờ rằng người Việt lại có một chữ viết hoàn chỉnh, đó là chữ Quốc ngữ. Một thứ chữ vừa dễ học, dễ đọc, dễ viết và nhờ tính chất này chữ Quốc ngữ đã đóng góp rất lớn lao vào việc mở mang dân trí, giảm thiểu nạn mù chữ. Chỉ cần một thời gian ngắn vài tháng là có thể đọc và viết được chữ Quốc ngữ, trong khi đó chữ Hán phải cần một thời gian lâu hơn, trung bình khoảng 2 hay 3 năm để nhớ được mặt chữ của ba bốn ngàn từ thường dùng [5].

Trí thức Việt Nam ở cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 đã nhìn thấy cái nhu cầu cấp bách của một dân tộc đang cần có một chữ viết xứng đáng. Sau 1.000 năm Bắc thuộc, dưới chính sách Hán hóa, người Việt bị mất chữ Khoa đầu của mình, họ phải viết một thứ chữ là chữ của người Hán. Không muốn bị đồng hóa như các dân tộc khác, người Việt đi tìm một thứ chữ để ghi lại tiếng nói của mình. Mấy thế kỷ liền, họ mày mò tìm ra chữ Nôm. Tuy thế chữ Nôm chắc chắn không

phải là giải pháp hoàn hảo nhất vì chữ Nôm vẫn dựa trên cơ sở chữ Hán, nên muốn biết chữ Nôm phải biết chữ Hán. Trải qua bao nhiêu triều đại vua chúa, chữ Nôm cũng không được sử dụng trong chốn triều đình. Duy chỉ có hai đời vua duy nhất là Hồ Quý Ly và Nguyễn Huệ định lấy chữ Nôm thay cho chữ Hán trong các văn kiện hành chính, nhưng tiếc thay việc ấy không thành. Chữ Nôm khó học, nên chỉ dành cho giới khoa bảng và phần đông người dân bình thường thì không biết đọc và không biết viết. Trong buổi giao thời giữa văn hóa Đông Tây vào cuối thế kỷ 19, chữ Quốc ngữ đã đến kịp thời. Các trí thức Việt Nam như Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh,... đã nhanh tay nắm lấy cơ hội đó, mặc dầu lúc ban đầu phải dựa vào người Pháp để được viết văn, ra báo. Những tác phẩm biên khảo, bình luận, phóng sự, du ký, tiểu thuyết, thơ phú của Gia Định Báo, Đông Dương Tạp Chí, Nam Phong Tạp Chí, Tự Lực Văn Đoàn,... đã chứng minh được chức năng toàn diện của chữ Quốc ngữ làm văn tự cho người Việt.

Nhưng chữ Quốc ngữ không dừng ở chỗ văn tự cho một dân tộc, nó còn là cái gốc của dân tộc, như Trần Quý Cáp đã viết „*Chữ quốc ngữ là hồn trong nước*“. Người Việt thuộc về tộc Bách Việt. Tộc Bách Việt gồm có các dân tộc như U Việt (ở Chiết Giang), Mân Việt (ở Phúc Kiến), Đông Việt (ở Giang Tây), Nam Việt (ở Quảng Đông), Lạc Việt (ở Việt Nam), Âu Việt (ở Quảng Đông, Quảng Tây), Chiêm Việt (đảo Hải Nam),... đã sinh sống từ vùng nam sông Dương Tử cho đến Bắc Việt Nam. Sau 1.000 năm bị đô hộ, người Việt vẫn giữ được bản sắc của mình không để bị đồng hóa, trong khi đó các dân tộc khác thuộc nhóm Bách Việt đều bị Hán hóa hay bị tiêu diệt. Tại sao? Nhà văn Ngô Nhân Dụng trong cuốn „*Đứng vững ngàn năm*“, đã trả lời là nhờ có tiếng nói. Ông đưa một thí dụ, dân tộc Mãn Thanh một thời rất hùng mạnh vào thế kỷ thứ 17 đã chiếm được Trung Quốc. Họ có tiếng nói và chữ viết riêng. Sau khi nhà Mãn Thanh sụp đổ, năm 1911 ở Mãn Châu có chục triệu người nói được tiếng Mãn, năm 2011 thì thế hệ những người biết nói tiếng Mãn chết dần, không còn được bao nhiêu. Nhà văn Ngô Nhân Dụng khẳng định „không giữ được tiếng nói thì mất nước“ [8].

Như vậy tiếng nói của một dân tộc quan trọng biết bao nhiêu. Muốn gìn giữ tiếng nói thì phải có chữ viết để lưu giữ lại tiếng nói. Nên địa vị của chữ viết cũng không kém phần quan trọng. Vào cuối thế kỷ 19, khi chữ Quốc ngữ xuất hiện và đẩy chữ Hán đi vào bóng tối, văn học Việt Nam bừng dậy và nở rộ vì thoát khỏi được cái nôi của văn hóa chữ Hán, trong đầu người Việt không còn bị gò bó vì Tứ Thư Ngũ Kinh, không còn bị chế ngự bởi các điển tịch bên Trung Quốc xa lắc xa lơ. Người Việt đã trở về tình tự với cội nguồn thật sự của mình:

*Tiếng nước tôi! Tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi  
Thoát nghìn năm thành tiếng lòng tôi, nước ơi  
(Tình ca, Phạm Duy)*

## Mùa Xuân 2014

### LƯƠNG NGUYỄN HIỀN

#### Tài liệu tham khảo:

- [1] Chữ Quốc Ngữ, tiếng Việt Nam, và Tu sĩ Alexandre de Rhodes, Mai Kim Định
- [2] 50 năm hành trình đi tìm chữ Việt cổ đã có kết quả, Đỗ Văn Xuyên
- [3] Chữ Nôm, Wikipedia
- [4] Philipphê Bình - Nhà văn hóa quốc ngữ đầu tiên, bị lãng quên, Hoàng Hương Trang
- [5] Chữ Hán, Wikipedia
- [6] Nguyễn Văn Vĩnh: Ông tổ của nghề báo Việt Nam, Viên Linh
- [7] Trương Vĩnh Ký, Wikipedia
- [8] Sách Đứng vững ngàn năm, Ngô Nhân Dụng (Đỗ Quý Toàn), Nxb. Người Việt, 2013